

Bản án số: 175/2024/DS-PT

Ngày: 19/3/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Phí Thành Chung

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2023/TLPT-DS ngày 06/10/2023 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 530/2023/QĐ-PT ngày 09/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 517/2023/QĐ-PT ngày 27/11/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 100/2024/TB-MPT ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Phùng Quốc L;** sinh năm 1944; Địa chỉ: Số B V, tổ A, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim C, sinh năm 1972; Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1964. Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 111/8/19 KP3A phường T, quận A, T phố Hồ Chí M; Nơi ở hiện tại: S ngõ F L, phường X, quận T, Hà Nội.

Có mặt ông H, bà C.

*** Bị đơn: Công ty L2;** Địa chỉ: D H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh C1 - Giám đốc.

Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

- Người kháng cáo: Ông Phùng Quốc L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Quốc L và người đại diện theo ủy quyền của bà B là bà Vũ Thị Kim C, ông Vũ Mạnh H trình bày:***

Qua giới thiệu của bà Lê Thị T1 - là một trong số những nạn nhân trong vụ lừa đảo của Công ty T4 nên tối ngày 30/7/2019 ông L đã đến nhà bà T1, lúc đó ông C1 đang tư vấn cho nhiều người nên ông L mới biết đến ông Vũ Mạnh C1 - Công ty L2. Ông C1 cho biết ông có mối quan hệ ở Tòa án tối cao và Viện kiểm sát tối cao sẽ giúp được mọi người lấy lại được tài sản là “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đã bị Công ty T4 lừa.

Bà T1 và bà Trần Thị Kim H1 cũng là nạn nhân của Công ty T4 đã chia sẻ thông tin về ông C1 từ trước cho ông L biết. Ông L đã tin tưởng việc ông C1 có thể giúp được cho gia đình ông L, chính vì vậy tối ngày 30/7/2019 ông L đã đến nhà bà T1 để gặp ông C1, nghe ông C1 tư vấn rồi sau đó ông L ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông C1 tại nhà bà T1 cùng ngày. Đến ngày 04/9/2019 ông L gặp ông C1 tại Gara xe ô tô tại N, quận L, Thành phố Hà Nội để nộp 50.000.000 đồng cho ông C1 và nhận Phiếu thu tiền.

Ông C1 đã sử dụng chính bản tường trình của ông L cung cấp để soạn thảo Đơn tố cáo tập thể, gồm 09 người đề ngày 05/9/2019, ông C1 nói Đơn này đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (PC01) nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn 541 ngày 03/4/2023 trả lời “*Tháng 9/2019, văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không nhận được Đơn của ông Phùng Quốc L tố giác Đỗ Thị T2 có thông tin như trên do bà Trần Thị Kim H1 nộp*”.

Ngày 05/9/2019, Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H nhận được Đơn của ông Phùng Quốc L, địa chỉ: Tổ A, T, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội tố giác ông P, bà L1 cùng một số đối tượng của Công ty T4 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông L thông qua việc yêu cầu ông L ký giấy tờ giả làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền sau đó chiếm đoạt do Tòa án quận L chuyển đến”.

Ngày 06/4/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T có nhận được Đơn tố giác của ông Phùng Quốc L tố giác Bùi Văn T3 và Nguyễn Thị P1. Ngày 22/4/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra Thông báo về việc chuyển đơn số 47/TB-CSĐT-ĐTTH chuyển Đơn trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 29/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Thông báo số 186/TB-CSĐT (ĐTTH) về việc chuyển đơn tố giác của ông L đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận C để xác minh giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, thể hiện ông L đã tự nộp Đơn đến các Cơ quan cảnh sát điều tra chứ không liên quan đến Đơn tố cáo của ông C1 soạn thảo.

Còn Đơn của ông C1 soạn thảo thì không có tài liệu thể hiện ông C1 đã nộp và được thụ lý giải quyết tại Cơ quan cảnh sát điều tra như ông C1 trình bày.

Đơn tố cáo tập thể có chữ ký của ông L do ông C1 soạn thảo, ông C1 khai đã đưa Đơn này cho bà H1, bà T1 để đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H nộp, Đơn đã được tiếp nhận, vào sổ thụ lý và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thì ông C1 phải cung cấp giấy tiếp nhận, thụ lý Đơn và Công văn trả lời của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Theo bà H1, bà T1 trình bày khi hai bà đến 55 L, quận H, Thành phố Hà Nội không mang theo Đơn, không mang theo bất cứ giấy tờ gì khác mà đến đó theo sự hướng dẫn của ông C1. Khi đến đó thì bà H1, bà T1 ngồi chờ ở ngoài để ông C1 vào làm việc với ai đó thì hai bà không biết. Sau khoảng 15-20 phút thì ông C1 đi ra nói bà H1, bà T1 đi về và chờ đợi.

Như vậy, Hợp đồng dịch vụ pháp lý là do ông C1 tự soạn thảo, đề xuất đưa ra những điều khoản nhưng ông C1 chưa thực hiện được một điều khoản nào trong Hợp đồng nêu trên. Nên việc nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019 ngày 30/7/2019 là thỏa đáng. Việc ông C1 chiếm giữ 50.000.000 đồng từ tháng 7 năm 2019 đến nay mà không thực hiện được bất cứ một việc gì theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý, gây thiệt hại cho ông L mất đi cơ hội khởi kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau khi ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông L nhận thấy đã bị Luật sư Vũ Mạnh C1 lừa đảo thông qua việc ký kết “Hợp đồng dịch vụ pháp lý”. Ông C1 nhận tiền nhưng không làm gì.

Ngày 15/9/2020 bà Vũ Thị Kim C đại diện cho 12 người bị hại trong đó có ông L gửi Đơn đến Công ty L2 yêu cầu ông C1 thanh lý Hợp đồng hoặc chủ động hẹn gặp 12 khách hàng thỏa thuận về việc có thực hiện làm công việc theo Hợp đồng hay không nhưng ông C1 không phản hồi.

Do vậy, nguyên đơn làm đơn khởi kiện Công ty L2 ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn ông Phùng Quốc L với bị đơn Công ty L2. Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng nói trên vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

2. Yêu cầu ông C1 - Giám đốc Công ty L2 phải trả lại cho ông Phùng Quốc L số tiền 50.000.000 đồng mà ông C1 đã nhận theo Phiếu thu đề ngày 04/9/2019.

3. Buộc ông C1 - Giám đốc Công ty L2 phải trả cho ông Phùng Quốc L số tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng N là 12%/năm, tạm tính từ ngày 04/9/2019 đến tháng 3/2023 là 03 năm 06 tháng x 30 ngày/tháng = 1.260 ngày x 50.000.000 đồng x 12% : 360 = 21.000.000 đồng.

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng).

*** Bị đơn - Công ty L2 (viết tắt là Công ty L2) do ông Vũ Mạnh C1 là đại diện theo pháp luật trình bày:**

Ngày 30/7/2019 giữa Công ty L2 do ông là đại diện theo pháp luật và ông Phùng Quốc L đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPLHN. Tại Điều 1 Nội dung Hợp đồng có quy định: Bên A (tức ông Phùng Quốc L) đồng ý thuê bên B (tức Công ty L2) và bên B đồng ý nhận tư vấn pháp luật và thực hiện dịch vụ pháp lý cho bên A, bao gồm các công việc cụ thể sau:

1. Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt.

2. Soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc.

3. Thay mặt và đại diện bên A liên hệ và làm việc với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết các tranh chấp nói trên hoặc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bên A. Soạn thảo các văn bản, đơn từ đề bên A gửi đến các cơ quan chức năng.

Trước khi ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, Công ty L2 do ông là đại diện đã làm việc trực tiếp với ông L, đưa ông L xem Hợp đồng, đọc lại cho ông L nghe. Sau đó, ông L đồng ý ký kết và cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng. Cùng ngày, ông L đã ký Đơn yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Công ty L2 cử Luật sư thu thập, nghiên cứu hồ sơ và tư vấn, tham gia tố tụng theo như nội dung của Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký.

Ngay sau khi ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý, Công ty L2 đã cử Luật sư là ông trực tiếp tư vấn ngoài giờ hành chính cho ông L. Ông là người đã thu thập hồ sơ và tư vấn 04 buổi ngoài giờ cho ông L vào tháng 7 và tháng 8 năm 2019. Quá trình nghiên cứu hồ sơ do ông L cung cấp, nhận thấy sự việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự nên ông đã tư vấn cho ông L làm “Đơn tố cáo”. Ông đã soạn “Đơn tố cáo” và chuyển cho ông L đọc và đồng ý ký vào Đơn. Sau khi ông L ký “Đơn tố cáo” do ông soạn thảo. Tháng 9 năm 2019 ông đã liên hệ với Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H để hướng dẫn nộp đơn và do bà Trần Thị Kim H1, bà Lê Thị T1 là hai người đại diện thay ông L đến cơ quan công an nộp đơn, nhưng không biết đường nên ông đã chỉ đường và đợi bà H1, bà T1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để nộp Đơn tố cáo.

Mọi trình tự, thủ tục tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm đã được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H (PC01) thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và phân công giải quyết vụ việc cho Công an các quận, huyện do vụ án có liên quan đến nhiều cá nhân, tổ chức ở nhiều địa bàn khác nhau. Sau đó, Cơ quan Công an đã có giấy báo ông L lên làm việc.

Như vậy, với ba nội dung công việc quy định trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên thì Công ty L2 đã thực hiện được mục 1 và 2. Còn mục 3 Công ty L2 chưa thực hiện được, vì lý do khi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đang thụ lý giải quyết thì ông L yêu cầu Công ty L2 dừng công việc và trả lại tiền cho ông L.

Tại điểm a mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã quy định rõ: “*Phí tư vấn:*

a. *Phí tư vấn cho điều 1.1 và 1.2 là 50.000.000 đồng - khoản phí này không hoàn lại trong bất cứ trường hợp nào”.*

Phí dịch vụ của điểm b khoản 3.1 của Điều 3 là 350.000.000 đồng. Thực tế, ông L mới nộp phí dịch vụ cho mục 1.1 và 1.2 của điểm a mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Ông L chưa nộp phí dịch vụ cho điểm b mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý nên việc Công ty L2 chưa thực hiện nội dung công việc theo điểm b mục 3.1 là do yêu cầu của ông L và cũng là đúng thoả thuận trong Hợp đồng.

Theo ông C1, việc ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa Công ty L2 và ông Phùng Quốc L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi

phạm điều cấm của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L là không có căn cứ đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim C và ông Vũ Mạnh H cùng thống nhất trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Tuyên hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2 theo Điều 423 và Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015, do Công ty L2 đã vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ khi ký kết Hợp đồng.

2. Tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L3 do bị lừa dối trong quá trình thực hiện hợp đồng theo Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu: Các bên phải trả cho nhau những gì đã nhận.

Buộc bị đơn Công ty L2 phải trả cho nguyên đơn ông Phùng Quốc L số tiền phí dịch vụ đã đóng là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (do ông C1 chiếm dụng số tiền của ông L) tạm tính từ tháng 9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/6/2023 = 41 tháng 22 ngày x 50.000.000 đồng x 12%/năm: 360 ngày = 23.130.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 73.130.000 đồng.

**** Bị đơn - Công ty L2 do ông Vũ Mạnh C1 - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật:*** Có Đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các Bản tự khai, Văn bản ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 119; Điều 127; Điều 131; Điều 423; Điều 427; Điều 513; Điều 514; Điều 515; Điều 516; Điều 517; Điều 518 và Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L đối với bị đơn Công ty L2, về việc: “Yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019, giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2”.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L đối với bị đơn Công ty L2, về việc: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019, giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L3”.

3. Xác định Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2 có hiệu lực pháp luật.

4. Xác định bị đơn Công ty L2 đã thực hiện đúng các thỏa thuận tại mục 1.1 và 1.2 Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 đối với nguyên đơn ông Phùng Quốc L.

5. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng Quốc L buộc bị đơn Công ty L2 phải trả lại cho nguyên đơn ông Phùng Quốc L số tiền phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019, bao gồm cả gốc và lãi là: 73.130.000 đồng (bảy mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phùng Quốc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.656.000 đồng (ba triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phùng Quốc L kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn thay đổi bổ sung kháng cáo. Cụ thể nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền phí dịch vụ pháp lý 5.000.000 đồng và số tiền lãi (của phí dịch vụ pháp lý 50.000.000 đã nộp cho bị đơn) là 23.130.000 đồng (nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thực hiện được một phần công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý tương đương với số tiền là 5.000.000 đồng trên tổng giá trị hợp đồng 50.000.000 đồng). Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 45.000.000 đồng tiền phí dịch vụ pháp lý theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông L đề nghị được miễn án phí cho ông L vì ông L sinh năm 1944 nên ông L là người cao tuổi.

Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về án phí và căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền phí dịch vụ pháp lý 5.000.000 đồng và số tiền lãi 23.130.000 đồng; Miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*Về thủ tục: Nguyên đơn ông Phùng Quốc L kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức. Việc nguyên đơn thay đổi kháng cáo vẫn nằm trong phạm vi kháng cáo ban đầu nên được hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý. Bị đơn Công ty L2 có trụ sở tại: D A H, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn Công ty L2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền phí dịch vụ pháp lý 5.000.000 đồng và số tiền lãi 23.130.000 đồng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông L trình bày: ông Phùng Quốc L cùng một số người khác có đơn tố giác tội phạm đối với ông Vũ Mạnh C1-giám đốc công ty L2 có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Qua xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận L đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 839/QĐ-CQĐT(ĐTTH) ngày 13/02/2024 và cung cấp cho Tòa án quyết định này.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn.

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2.

Nhận thấy: Ngày 30/7/2019 giữa Công ty L2 và ông Phùng Quốc L có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN. Nội dung của Hợp đồng như sau:

Bên A (tức ông Phùng Quốc L) đồng ý thuê bên B (tức Công ty L2) và bên B đồng ý nhận tư vấn pháp luật và thực hiện dịch vụ pháp lý cho bên A, bao gồm các công việc cụ thể sau:

1. Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt.

2. Soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc.

3. Thay mặt và đại diện bên A liên hệ và làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết các tranh chấp nói

trên hoặc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bên A. Soạn thảo các văn bản, đơn từ để bên A gửi đến các cơ quan chức năng.

- **Về hình thức của Hợp đồng:** Hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện Công ty L2 và có đóng dấu của Công ty L2 là bên thực hiện dịch vụ và chữ ký của ông L - bên thuê dịch vụ. Như vậy, hình thức của Hợp đồng dịch vụ pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Về nội dung của Hợp đồng:** Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, trước khi ký kết Hợp đồng, Công ty L2 do ông C1 là đại diện đã làm việc trực tiếp với ông L, đưa ông L xem Hợp đồng, đọc lại cho ông L nghe. Sau đó, ông L đồng ý ký kết và cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng. Tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý có thỏa thuận về nội dung dịch vụ, thời hạn Hợp đồng, phí Hợp đồng cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên. Các thỏa thuận trên phù hợp với quy định của pháp luật Dân sự cũng như không trái đạo đức xã hội.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn ông Phùng Quốc L với bị đơn Công ty L2 là vô hiệu do bị lừa dối theo Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép:

“Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó.

Đe dọa, cưỡng ép trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện giao dịch dân sự nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của người thân thích của mình”

Đối chiếu với các quy định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn ông Phùng Quốc L và bị đơn Công ty L2 trên cơ sở ông L đã được nghe Luật sư tư vấn, đã được đọc nội dung của Hợp đồng và cam kết thực hiện đúng nội dung của Hợp đồng. Các bên thỏa thuận các điều khoản rõ ràng, thực hiện dịch vụ pháp lý gồm các công việc như: *“Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt; soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc; thay mặt và đại diện bên A liên hệ và làm việc với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết các tranh chấp nói trên hoặc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bên A. Soạn thảo các văn bản, đơn từ để bên A gửi đến các Cơ quan chức năng”*.

Đối với những công việc nêu trên hoàn toàn đúng chức năng, nhiệm vụ của Công ty L2 theo Đăng ký kinh doanh. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng thừa nhận việc nguyên đơn ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý là

hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, các thoả thuận trong Hợp đồng dịch vụ pháp lý 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 không có yếu tố bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

Xét, quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 là vô hiệu do bị lừa dối theo Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nhận thấy: Quan điểm trên của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không đúng, bởi lẽ hành vi lừa dối theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2015 là *“hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”* nghĩa là hành vi lừa dối phải có trước khi xác lập giao dịch. Mặt khác, ngoài lời khai ra thì nguyên đơn cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Vì vậy, không có căn cứ xác định Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 là vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Toà án tuyên huỷ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn ông Phùng Quốc L với bị đơn Công ty L2 do Công ty L2 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo Điều 423, 427 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 423 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định:

Huỷ bỏ hợp đồng:

“1. Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:

a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thỏa thuận;

b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;

c) Trường hợp khác do luật quy định.

2. Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

3. Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Sau khi ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, bà B đã nộp phí 50.000.000 đồng cho Công ty L2. Đồng thời đã ký Đơn yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Công ty L2 cử Luật sư thu thập, nghiên cứu hồ sơ và tư vấn, tham gia tố tụng theo như nội dung của Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký.

Công ty L2 đã cử Luật sư là ông C1 trực tiếp tư vấn ngoài giờ hành chính cho ông L. Ông C1 là người đã thu thập hồ sơ và tư vấn cho ông L 04 buổi vào thời điểm tháng 7, tháng 8/2019. Quá trình nghiên cứu hồ sơ do ông L cung cấp, nhận thấy sự việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự nên ông C1 đã tư vấn cho ông L làm “Đơn tố cáo”. Ông L đã soạn “Đơn tố cáo” và chuyển cho ông L đọc, và ông L đồng ý ký đơn. Sau khi ông L ký Đơn tố cáo, ông C1 đã liên hệ với Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để được hướng dẫn nộp đơn. Do bà H1 và bà T1 là người đại diện cho ông L không biết đường nên ông C1 đã chỉ đường và đợi bà H1 và bà T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra -

số 55 L, quận H, Thành phố Hà Nội đề nộp Đơn tố cáo. Tại đơn đề nghị trả lại tiền (lần 2) ngày 11/6/2020 của rất nhiều người gửi ông Vũ Mạnh C1 (trong đó có ông Phùng Quốc L) có nội dung: “ Sau khi chúng tôi nộp tiền cho ông, với tổng số tiền lên đến 682.000.000 đồng thì ngoài một số việc ông đã hướng dẫn trợ giúp chúng tôi như: chuẩn bị đơn tố cáo, cùng một số người đại diện đi đến Cơ quan công an Thành phố H để nộp đơn, trình bày thêm một số nội dung liên quan đến đơn thư thì công việc hợp tác giữa ông và chúng tôi cũng chưa được tiến hành gì thêm, kết quả thu lại không có gì... Thế nhưng, sau khi gửi đơn lần thứ nhất, chúng tôi thấy rằng ông vẫn có thái độ bất cần, bất hợp tác, coi thường quyền lợi của chúng tôi, nên chúng tôi tiếp tục gửi đơn này đến ông với yêu cầu giải quyết chuyện tiền nong mà ông đã nhận của chúng tôi; sau khi đã trừ đi phần giá trị công sức nhỏ bé mà ông đã làm cho chúng tôi như đã nói ở phần trên”. Như vậy, từ 11/6/2020, ông L đã thể hiện ý chí mong muốn chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty L2

Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định Công ty L2 đã thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên huỷ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH L2 phải hoàn trả lại số tiền phí mà nguyên đơn đã nộp là 45.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý có thỏa thuận về khoản phí này để thực hiện các nội dung cho điều 1.1 và 1.2, gồm: “Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt; soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc”

Và ghi rõ: “Khoản phí này không được hoàn lại trong bất cứ trường hợp nào”.

Thỏa thuận trên không trái quy định của pháp luật. Thực tế, Công ty L2 đã thực hiện các nội dung theo đúng quy định tại mục 1.1 và 1.2 Điều 1 của Hợp đồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định như sau:

“1. Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận.”

Do đó, ông L phải trả phí 50.000.000 đồng cho Công ty L2 là đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để nguyên đơn buộc bị đơn Công ty L2 phải trả lại số tiền 45.000.000 đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn ông L sinh năm 1944, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về án phí và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 117, 119, 423, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L đối với bị đơn Công ty L2 về: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L3”.

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2 có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L đối với bị đơn Công ty L2 về: “Yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa ông Phùng Quốc L và Công ty L2”.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L buộc bị đơn Công ty L2 phải trả lại cho ông Phùng Quốc L số tiền phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Quốc L về yêu cầu buộc Công ty L2 thanh toán số tiền phí dịch vụ pháp lý 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và số tiền lãi 23.130.000 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Phùng Quốc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh